TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4-QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 8 - 2026
V/v: "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con chung, nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Lý; ông Phan Trường Chinh

Thư ký phiên tòa*:* Bà Trần Thị Dung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2026/TLST- HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc "*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con chung, nợ chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/7/2026; Quyết định hoãn phiên toà số: 70/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 14/8/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Nữ D, sinh năm 1983;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn N, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: Khu D, thôn T, xã L, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Q - Phòng giao Ngân hàng C; địa chỉ: Thôn V, xã M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp: Giám đốc Phòng giao Ngân hàng C.

- Ngân hàng N2, chi nhánh M –phòng G; địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện hợp pháp: Giám đốc phòng G-L.

(Tại phiên toà nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Nữ D trình bày:

Bà với ông Nguyễn Nông kết H tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M (nay là xã L), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 03/4/2005. Bà và ông N chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, ông N thường xuyên uống rượu say xỉn gây gỗ, đánh đập vợ, con. Bà cố gắng hoà giải vì các con nhưng không hoà giải được, ông N tính tình không thay đổi. Hiện nay, vợ chồng không sống chung, bà thuê nhà ở riêng cùng các con. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Nông .

Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung là Nguyễn Võ Hiền T, sinh ngày 24/5/2005, Nguyễn Võ Kiều V, Nguyễn Võ Triệu V1 sinh cùng ngày 03/9/2008, Nguyễn Võ Chí T1, sinh ngày 03/4/2015 và Nguyễn Võ An N1, sinh ngày 13/9/2022. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 04 con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con. Đối với con chung Nguyễn Võ Hiền T đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Q – Phòng G1 số tiền 90.000.000 đồng gốc và nợ lãi. Ly hôn bà yêu cầu Toà án giải quyết bà và ông N mỗi người trả ½ số nợ gốc và nợ lãi.

Đối với số tiền nợ Ngân hàng N2 chi nhánh M, phòng G là 150.000.000 đồng; vợ chồng bà đã trả xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Tại bản tự trình bày ngày 10/02/2026; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn N trình bày:

Ông và bà Võ Thị Nữ D tự nguyện đăng ký kết hôn vào 04/3/2005 tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, nay là xã L, tỉnh Quảng Ngãi. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, bà D trước đây gửi đơn yêu cầu ly hôn nhưng sau đó rút đơn, nay tiếp tục gửi đơn yêu cầu ly hôn nữa nhưng ông không đồng ý ly hôn bà D.

Về con chung: Ông và bà D có 05 con chung có họ tên và ngày tháng năm sinh đúng như bà D trình bày. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng cho 02 con là Nguyễn Võ Kiều V, Nguyễn Võ Triệu V1 sinh cùng ngày 03/9/2008; giao 02 con chung Nguyễn Võ Chí T1, sinh ngày 03/4/2015 và Nguyễn Võ An N1, sinh ngày 13/9/2022 cho bà D nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng cho con. Đối với con chung Nguyễn Võ Hiền T đã thành niên nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Có 1 căn nhà cấp 4 ở tổ A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (nhà đất mua giấy tay chưa có giấy chứng nhận QSDĐ) và căn cấp 4 ở KDC B, thôn T, xã L, tỉnh Quảng Ngãi. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung.

Về nợ chung: Ông đồng ý còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 90.000.000 tiền gốc là lãi; ông đồng ý trả gốc 45.000.000 đồng và nợ lãi; số tiền

nợ Ngân hàng N2 chi nhánh M, phòng G 150.000.000 đồng ông và bà D đã trả xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản số 103/CV-NHCS ngày 31/3/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện Ngân hàng C trình bày:

Bà Võ Thị Nữ D, đại diện hộ gia đình có vay vốn tại Ngân hàng C (Ngân hàng C) – Phòng G1, số tiền gốc còn nợ tính đến thời điểm hiện tại là 90.000.000 đồng và tiền lãi đã trả đến ngày 06/8/2026 do Ông Bùi Phúc L làm tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) ở thôn T, xã L, tỉnh Quảng Ngãi, Tổ TK&VV thuộc Hội Nông dân quản lý. Cụ thể như sau:

Khoản vay 1: Vay chương trình Hộ cận nghèo: Khế ước số: 6600000725261396; Ngày vay: 30/3/2023; Ngày đến hạn cuối cùng: 30/3/2027; Số tiền vay: 50.000.000đ; Lãi suất vay: 7,488%/năm; Đã nộp lãi vay đến ngày: 06/8/2026; Số lãi tồn còn phải trả đến ngày 22/8/2026 là: 166.400đồng.

Khoản vay 2: Vay chương trình Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn: Khế ước số: 6600000725261476; Ngày vay: 30/3/2023; Ngày đến hạn cuối cùng: 30/3/2028; Số tiền vay: 20.000.000đ; Lãi suất vay: 8,4%/năm; Đã nộp lãi vay đến ngày: 06/8/2026; Số lãi tồn còn phải trả đến ngày 22/8/2026 là: 74.667đồng.

Khoản vay 3: Vay chương trình Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn: Khế ước số: 6600000727961849; Ngày vay: 29/3/2024; Ngày đến hạn cuối cùng: 29/8/2031; Số tiền vay: 20.000.000đ; Lãi suất vay: 6,24%/năm; Đã nộp lãi vay đến ngày: 06/8/2026; Số lãi tồn còn phải trả đến ngày 22/8/2026 là: 55.467đồng.

Tài sản bảo đảm tiền vay: Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản (cho vay ủy thác qua Hội Nông dân xã L, tỉnh Quảng Ngãi).

Người đứng tên vay vốn Ngân hàng C là bà Võ Thị Nữ D. Nay vợ chồng ly hôn ảnh hưởng đến nguồn vốn đã cho vay, mục đích sử dụng vốn, khả năng trả nợ của gia đình. Vì vậy Ngân hàng CSXH - Phòng G1 đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 – Quảng Ngãi yêu cầu bà Võ Thị Nữ D và ông Nguyễn Nông T2 hết nợ vay đã nêu trên và số tiền lãi phát sinh sau ngày 22/8/2026 đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng trước khi Tòa án quyết định cho vợ chồng ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng quy định Bộ luật dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Nữ D; cho bà Võ Thị Nữ D được ly hôn ông Nguyễn Nông .

Về con chung: Giao con 04 chung tên là Nguyễn Võ Kiều V, Nguyễn Võ Triệu V1 cùng sinh ngày 03/9/2008, Nguyễn Võ Chí T1, sinh ngày 03/4/2015 và Nguyễn Võ An N1, sinh ngày 13/9/2022 cho bà D trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục. Ông N không phải cấp dưỡng cho con; con chung Nguyễn Võ Hiền T, sinh ngày 24/5/2005 đã thành niên không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Toà án giải quyết; ông N yêu cầu Toà án giải quyết chia đôi tài sản chung nhưng ông N không làm thủ tục khởi kiện phản tố theo quy định pháp luật nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận sự thoả thuận của các bên về nợ chung, ông Nguyễn N và bà Võ Thị Nữ D mỗi người có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng và tiền lãi theo các Khế ước đã ký kết.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng nợ Ngân hàng N2 ông N bà D đã trả xong, ngân hàng không yêu cầu nên không xem xét.

Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Võ Thị Nữ D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết "*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con chung*" với bị đơn ông Nguyễn Nông . Bị đơn có địa chỉ thường trú tại: KDC B, thôn T, xã L, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án "*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con, nợ chung*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn N đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin vắng. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Nữ D và ông Nguyễn N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 03/4/2005 tại UBND xã Đ, huyện M (nay là xã L), tỉnh Quảng Ngãi là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Theo bà D trình bày trong quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông N thường xuyên gây gỗ, đánh đập bà, bà đã gửi đơn ly hôn nhưng sau đó rút về chung sống nhưng không có hạnh phúc, bà yêu cầu ly hôn ông N nhưng ông N không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ông N thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bà D trước đây đã gửi đơn ly hôn nhưng sau đó rút đơn, nay bà tiếp tục yêu cầu ly hôn. Điều này chứng tỏ cuộc sống chung giữa ông N và bà D không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Võ Thị Nữ D yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn N là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng cho con: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các lời khai của các đương sự xác định bà D và ông N có 05 con chung là Nguyễn Võ Hiền T, sinh ngày 24/5/2005, Nguyễn Võ Kiều V, Nguyễn Võ Triệu V1 cùng sinh ngày 03/9/2008, Nguyễn Võ Chí T1, sinh ngày 03/4/2015 và Nguyễn Võ An N1, sinh ngày 13/9/2022.

Xét yêu cầu nuôi con chung của các bên, bà D yêu cầu được nuôi dưỡng 04 con chung Nguyễn Võ Kiều V, Nguyễn Võ Triệu V1, Nguyễn Võ Chí T1 và Nguyễn Võ An N1 mà không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho; ông N yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung Kiều Vy và Triệu V1, giao 02 con chung cho Chí T1 và An N1 cho bà D nuôi dưỡng không ai phải cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc yêu cầu nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn và bị đơn là chính đáng. Hiện nay, các con đều có ý kiến là muốn ở với mẹ và đều đang sống cùng với bà D. Do vậy, giao 04 con chung Nguyễn Võ Kiều V, Nguyễn Võ Triệu V1 cùng sinh ngày 03/9/2008, Nguyễn Võ Chí T1, sinh ngày 03/4/2015 và Nguyễn Võ An N1, sinh ngày 13/9/2022 cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông N không phải cấp dưỡng cho con. Con chung Nguyễn Võ Hiền T, sinh ngày 24/5/2005 đã thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự bà D và ông N không yêu cầu về nuôi dưỡng nên hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Toà án giải quyết; trong quá trình giải quyết vụ án ông N yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản chung. Toà án đã thông báo cho ông Nguyễn N về việc làm đơn khởi kiện phản tố chia tài sản chung theo đúng quy định pháp luật, đồng thời tại biên bản hoà giải ngày 14/7/2026 ông Nguyễn N đã trình bày làm đơn yêu cầu chia tài sản chung và giao nộp tài liệu chứng cứ kèm theo. Tuy nhiên, quá thời hạn quy định mà ông N không nộp đơn khởi kiện phản tố nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Ông Nguyễn N có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Về nợ chung: Ghi nhận sự thoả thuận của các bên đương sự về trả nợ chung, cụ thể;

- Ông Nguyễn N và bà Võ Thị Nữ D mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng C theo Khế ước số: 6600000725261396, ngày 30/3/2023; Số tiền gốc là 50.000.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày 22/8/2026 là 166.400đồng và có nghĩa vụ trả lãi phát sinh từ ngày 23/8/2026 đến khi trả hết nợ.

- Ông Nguyễn N và bà Võ Thị Nữ D mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng chính sách xã hội theo Khế ước số 6600000725261476, ngày 30/3/2023; Số tiền gốc là 20.000.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày 22/8/2026 là 74.667 đồng và có nghĩa vụ trả lãi phát sinh từ ngày 23/8/2026 đến khi trả hết nợ.

- Ông Nguyễn N và bà Võ Thị Nữ D mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng C theo Khế ước 6600000727961849, ngày

29/3/2024; Số tiền gốc là 20.000.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày 22/8/2026 là 55.467 đồng và có nghĩa vụ trả lãi phát sinh từ ngày 23/8/2026 đến khi trả hết nợ.

Đối với số tiền nợ Ngân hàng N2, các bên đã trả xong, Ngân hàng không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí:

- Bà Võ Thị Nữ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và 2.257.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ chung (90.296.535 đồng : 2 = 45.148.267 x 5% = 2.257.400 đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí do bà D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000333 ngày 22/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Bà D còn phải nộp 1.957.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn N phải chịu 2.257.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ chung.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 144, 147, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, 37, 56, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 6 Điều 26; điểm a Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Nữ D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Nữ D được ly hôn ông Nguyễn Nông .

1.2. Về con chung: Giao 04 con chung Nguyễn Võ Kiều V, Nguyễn Võ Triệu V1 cùng sinh ngày 03/9/2008, Nguyễn Võ Chí T1, sinh ngày 03/4/2015 và Nguyễn Võ An N1, sinh ngày 13/9/2022 cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông N không phải cấp dưỡng cho con. Con chung Nguyễn Võ Hiền T, sinh ngày 24/5/2005 đã thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự bà D và ông N không yêu cầu về nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Trên cơ sở lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con.

1.3. Về tài sản chung: Bà D, ông N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ghi nhận sự thoả thuận của các bên đương sự về trả nợ chung, cụ thể;

- Ông Nguyễn N và bà Võ Thị Nữ D mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày 22/8/2026 là 166.400 đồng và có nghĩa vụ trả lãi phát sinh từ ngày 23/8/2026 đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội theo Khế ước số: 6600000725261396, ngày 30/3/2023.

- Ông Nguyễn N và bà Võ Thị Nữ D mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày 22/8/2026 là 74.667 đồng và có nghĩa vụ trả lãi phát sinh từ ngày 23/8/2026 đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội theo Khế ước số 6600000725261476, ngày 30/3/2023.

- Ông Nguyễn N và bà Võ Thị Nữ D mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày 22/8/2026 là 55.467 đồng và có nghĩa vụ trả lãi phát sinh từ ngày 23/8/2026 đến khi trả hết cho Ngân hàng C theo Khế ước 6600000727961849, ngày 29/3/2024.

2. Về án phí:

2.1. Bà Võ Thị Nữ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và 2.257.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ chung, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000333 ngày 22/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Bà D còn phải nộp 1.957.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ông Nguyễn N phải chịu 2.257.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ chung.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, , bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bán án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 4-Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 4- Quảng Ngãi;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- UBND xã Lân Phong;
- Lưu hồ sơ; Án văn.

Nguyễn Văn Hậu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TÒA

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN